

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/DS-ST
Ngày: 01-07-2020.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Bình.
2. Ông Trương Hoàng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (B), sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp T, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc ND, sinh năm 1972; Địa chỉ: xã A, thành phố T, tỉnh Tiền Giang là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2019) (có mặt).

Bị đơn:

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1961 (vắng mặt).

- Bà Cao Thị S, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp LA, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc ND trình bày:

Vào ngày 20/4/2018 âm lịch (ngày 3/5/2018 dương lịch), bà L có cho vợ chồng ông Lê Văn C và bà Cao Thị S vay số tiền 70.000.000 đồng, để đầu tư thêm vốn trồng thanh long, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay là 12 tháng, ông Lê Văn C có làm giấy nợ cho bà L.

Kể từ khi vay (tháng 04/2018 âm lịch) đến nay là tháng 12/2019, ông C và bà S chưa trả cho bà L số tiền vốn, lãi nào, bà L có gặp ông C và gọi cho bà S đòi nợ nhiều lần nhưng ông bà cứ hứa hẹn thanh toán tiền nợ vốn, lãi cho bà L nhưng vẫn không thực hiện.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Lê Văn C và bà Cao Thị S phải liên đới trả cho bà L số tiền vốn vay 70.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định. Tiền lãi được tính kể từ ngày 20/4/2018 âm lịch (ngày 3/5/2018) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính đến ngày làm đơn khởi kiện thì số tiền lãi được tính như sau: $70.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\%/1 \text{ tháng} \times 19 \text{ tháng}$ (tính từ tháng 5/2018 đến tháng 12/2019) = 22.157.800 đồng; Tổng cộng vốn

và lãi là 92.157.800 đồng; Yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn C và bà Cao Thị S trả cho bà L số tiền vốn, lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 09/5/2020 và tại phiên hòa giải ngày 26/5/2020, bà L và đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc ND rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn C trả cho bà L số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi tính kể từ ngày 20/4/2018 âm lịch đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

* Bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Năm 2018, ông có vay của bà L số tiền là 61.000.000 đồng. Ba tháng đầu ông không nhớ rõ thời gian bao nhiêu ông không trả lãi nên bà L cộng 9.000.000 đồng với 61.000.000 đồng thành 70.000.000 đồng vào ngày 20/4/2018 âm lịch. Bà L kêu ông viết giấy mượn tiền với nội dung ông có mượn của chị B (Bà Nguyễn Thị L) 70.000.000 đồng. Sau khi viết giấy mượn tiền mỗi tháng ông có trả cho bà L 3.500.000 đồng, ông trả suốt đến khoảng 06 tháng gần đây ông không có khả năng trả nên bà L mới khởi kiện ông ra tòa, những lần trả lãi ông đưa tiền cho bà L tại nhà (có một mình bà L) nhưng không có lấy biên nhận. Với yêu cầu khởi kiện của bà L ông xin được trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi hết số tiền 70.000.000 đồng, lãi ông xin không trả. Số tiền vay ông dùng để trả nợ, xài trong gia đình và trồng thanh long.

* Trong suốt quá trình Tòa án thụ L giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Cao Thị S biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng bà S vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc ND vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2018 âm lịch (ngày

03/6/2018 dương lịch) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng), yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật; xin rút yêu cầu buộc bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn C trả cho bà L số tiền vốn và lãi nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà L cung cấp “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2018 âm lịch, phía ông C cũng thừa nhận “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2018 âm lịch do ông C viết và ký tên, ông C đã không thực hiện việc trả nợ cho bà L từ lúc vay đến nay. Bà Nguyễn Thị L đã có đơn xin rút yêu cầu buộc bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả nợ cho bà L. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2018 âm lịch (ngày 03/6/2018) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả nợ cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Lê Văn C và bà Cao Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có L do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn C và bà Cao Thị S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L thì bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà Cao Thị S phải trả cho bà số tiền vốn vay chưa trả là 70.000.000 đồng và tiền lãi. Ông Lê Văn C và bà Cao Thị S hiện cư trú tại ấp Long An, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

Theo nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên vào ngày 3/6/2018 (ngày 20/4/2018 âm lịch) bà L có cho ông C, bà S vay số tiền vốn là 70.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ với nội dung ông Lê Văn C có mượn chị B (tức là bà Nguyễn Thị L) 70.000.000 đồng, mục đích vay là để trông thanh long; Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 5%/tháng, không ghi vào biên nhận nợ. Bà L xác định sau khi vay ông C và bà S không có trả lãi và không trả vốn theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Ông C thừa nhận có vay tiền của bà L. “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2018 âm lịch là do ông C viết và ký tên, mục đích vay là để trả nợ, sử dụng trong gia đình và trông thanh long. Số tiền vốn vay ban đầu, ông C thừa nhận chỉ vay số tiền 61.000.000 đồng, về sau bà L cộng thêm 9.000.000 đồng tiền lãi nên bắt ông viết “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2018 âm lịch với số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng. Đồng thời ông C khai: Sau khi viết giấy mượn tiền mỗi tháng ông có trả cho bà L 3.500.000 đồng, ông trả suốt đến khoảng 06 tháng trước khi bà L khởi kiện ông ra tòa, việc trả lãi không có làm biên nhận.

Xét thấy lời khai của ông C cho rằng ông chỉ vay của bà L số tiền vốn là 61.000.000 đồng và đã trả cho bà L hàng tháng 3.500.000 đồng, ông C không đưa ra được giấy tờ hay chứng cứ gì chứng minh, phía bà L cũng không thừa nhận; trong khi theo “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2018 âm lịch ông C thừa nhận là do ông tự viết và ký tên thể hiện ông C mượn của bà L số tiền là 70.000.000 đồng. Từ

đó cho thấy lời khai nại của ông C là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà L và ông C đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L cho rằng từ khi vay đến nay ông C không có trả và còn nợ tiền vốn là 70.000.000 đồng, lời khai của bà L phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2018 âm lịch do ông C viết và ký tên, nên có căn cứ xác định ông C có vay của bà L số tiền vốn tổng cộng là 70.000.000 đồng đến nay chưa trả như bà L đã xác định là đúng. Vì vậy bà L khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Lê Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L là phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Theo nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2018 âm lịch không ghi cụ thể lãi suất vay nhưng theo lời trình bày của ông C khi vay bà L và ông C có thỏa thuận miệng việc trả lãi hàng tháng. Ông C xin được không trả lãi nhưng phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy trong suốt quá trình vay, ông C không có trả vốn và lãi cho bà L theo thỏa thuận nên ông C phải có nghĩa vụ trả lãi cho bà L là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà L.

Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông C trả lãi trên số tiền vốn 70.000.000 đồng tính từ ngày ngày 20/4/2018 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0,83%/tháng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội và việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại Điều 71, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về thời gian chậm trả: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc ND yêu cầu tính từ ngày 20/4/2018 âm lịch (ương lịch là ngày 03/6/2018) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, khi khởi kiện do nhầm lẫn nên xác định sai ngày dương lịch là ngày 03/5/2020.

Thời gian ông C chậm trả từ ngày 03/6/2018 (ngày 20/4/2018 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/7/2020) là 24 tháng 28 ngày, số tiền lãi được tính như sau: 70.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng 28 ngày = 14.484.330 đồng.

Như vậy, số tiền gốc và tiền lãi ông C phải trả cho bà L là 84.484.330 đồng.

[2.3] Về thời gian trả: Tại phiên Tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu ông C phải trả cho bà L ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông C đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Bà L đã yêu cầu ông C trả tiền nhiều lần nhưng ông C vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho bà L. Ông C xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền

70.000.000 đồng nhưng không được bà L đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông C phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 14.484.330 đồng theo thời gian yêu cầu của bà L là phù hợp.

[3] Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2019, bà L khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn C trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2018 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngày 09/5/2020, bà L có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn C trả cho bà L số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi tính kể từ ngày 20/4/2018 âm lịch đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ theo quy định, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn C trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2018 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Cao Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn và lãi là 84.484.330 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Cao Thị S có nghĩa vụ liên đới cùng ông Lê Văn C trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2018 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.304.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0003348 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bà Cao Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn C phải chịu 4.224.217 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Văn C và bà Cao Thị S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung